

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	[2] - [4]
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	[5] - [6]
<b>3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	[7] - [8]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	[9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	[10] - [11]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	[12] - [42]

# CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 156 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

### 2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
- Ông Đỗ Trần Mai	Thành Viên
- Bà An Hà My	Thành Viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
- Ông Trần Tuấn Kinh	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm kể từ ngày 16/05/2018) (i)
- Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm kể từ ngày 01/06/2018) (ii)

(i) Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐQT ngày 16/05/2018 về việc miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á.

(ii) Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16/05/2018 về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á.

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng ban Kiểm soát
- Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
- Bà Lê Thị Thoa	Thành viên

### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**Công ty có các công ty con như sau:**

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 156 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam	Số 59, đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

**Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:**

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

#### **4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

#### **5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Trong năm 2018, Công ty thành lập Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam theo Nghị quyết HĐQT số 01/2018/NQ-HĐQT ngày 08/01/2018. Vốn điều lệ đăng ký là 45 tỷ đồng, đến ngày 31/12/2018 vốn thực góp là 38.455.252.207 VND.

#### **6. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### **7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

#### **8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giải thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Sơn**

Số: 56/2019/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á được lập ngày 10 tháng 04 năm 2019, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 42 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Trần Thị Nguyệt**  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0589-2018-242-1

**Nguyễn Xuân Hòa**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0909-2018-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>211,429,776,194</b>	<b>180,876,125,124</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>95,853,999,012</b>	<b>76,059,073,951</b>
1. Tiền	111	5.1	95,853,999,012	76,059,073,951
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72,231,707,236</b>	<b>65,153,724,096</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	41,625,455,483	34,226,185,098
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	5,541,316,455	4,009,802,339
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	-	2,583,720,887
4. Các khoản phải thu khác	136	5.5	26,248,629,585	25,162,601,773
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.9	(1,183,694,287)	(828,586,001)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>40,425,875,589</b>	<b>37,535,164,394</b>
1. Hàng tồn kho	141		40,425,875,589	37,535,164,394
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,918,194,357</b>	<b>2,128,162,683</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	2,915,639,856	2,121,837,942
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,580,476	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	974,025	6,324,741
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>87,498,641,634</b>	<b>64,386,230,300</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>316,435,464</b>	<b>190,200,000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	316,435,464	190,200,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>76,154,080,676</b>	<b>54,203,396,999</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	65,887,900,882	43,699,935,410
- Nguyên giá	222		91,555,272,581	67,721,992,330
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25,667,371,699)	(24,022,056,920)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	3,822,919,442	3,917,656,549
- Nguyên giá	225		4,974,217,600	4,725,897,600
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1,151,298,158)	(808,241,051)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	6,443,260,352	6,585,805,040
- Nguyên giá	228		6,765,326,300	6,765,326,300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(322,065,948)	(179,521,260)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2,872,569,048</b>	<b>2,872,569,048</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	2,872,569,048	2,872,569,048
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8,155,556,446</b>	<b>7,120,064,253</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	8,155,556,446	7,120,064,253
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>298,928,417,828</b>	<b>245,262,355,424</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 01-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>125.732.275.752</b>	<b>94.727.929.235</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>116.638.962.579</b>	<b>92.755.028.691</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	47.104.361.723	26.162.138.460
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	4.693.651.357	2.102.159.224
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	7.420.507.412	5.917.294.144
4. Phải trả người lao động	314		3.788.191.024	2.318.892.438
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	610.000.000	520.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	4.639.568.719	14.009.518.494
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	46.803.977.306	40.146.320.893
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.578.705.038	1.578.705.038
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.093.313.173</b>	<b>1.972.900.544</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	1.560.430.120	220.430.120
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	7.532.883.053	1.752.470.424
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>5.19</b>	<b>173.196.142.076</b>	<b>150.534.426.189</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>173.196.142.076</b>	<b>150.534.426.189</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(68.454.545)	41.545.455
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.189.645.500	12.099.319.177
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		17.420.546.141	17.818.591.365
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28.264.842	28.265.042
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.392.281.299	17.790.326.323
5. Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	429		11.654.404.980	5.574.970.192
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>298.928.417.828</b>	<b>245.262.355.424</b>

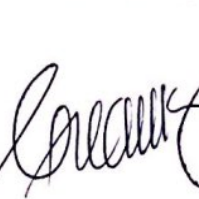
Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



  
Nguyễn Văn Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 02-DN/HN

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	6.1	<b>240.430.046.731</b>	<b>195.771.773.738</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	11.428.301.358	111.645.395
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>229.001.745.373</b>	<b>195.660.128.343</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	132.986.916.175	119.179.968.507
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>96.014.829.198</b>	<b>76.480.159.836</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	17.922.484	112.599.333
7. Chi phí tài chính	22	6.5	10.015.002.604	2.260.901.914
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.475.564.636	2.260.395.664
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết			-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	49.090.981.282	39.289.563.522
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	15.086.820.417	12.809.434.752
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>21.839.947.379</b>	<b>22.232.858.981</b>
12. Thu nhập khác	31	6.6	206.759.906	495.945.761
13. Chi phí khác	32	6.7	264.007.735	-
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(57.247.829)</b>	<b>495.945.761</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>21.782.699.550</b>	<b>22.728.804.742</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	3.310.983.663	3.435.766.336
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>18.471.715.887</b>	<b>19.293.038.406</b>
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ	61		17.392.281.099	18.721.208.774
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát	62		1.079.434.788	571.829.632
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	1.512	1.628

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Thái

Hoàng Văn Tuấn

Nguyễn Văn Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Mẫu số B 03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>21,782,699,550</b>	<b>22,728,804,742</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		9,905,947,739	6,457,228,776
- Các khoản dự phòng	03		355,108,286	236,738,857
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17,922,484)	(173,508,423)
- Chi phí lãi vay	06		3,475,564,636	2,260,395,664
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>35,501,397,727</b>	<b>31,509,659,616</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10,765,117,393)	(11,925,801,187)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12,387,347,768	(10,043,722,245)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		18,029,290,017	3,746,592,786
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,734,552,863)	235,654,626
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3,475,564,636)	(2,260,395,664)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,773,996,205)	(5,582,049,082)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			917,907,102
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>47,168,804,415</b>	<b>6,597,845,952</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(32,324,963,135)	(13,227,846,597)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	60,909,090
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(150,799,705)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,583,720,887	175,236,705
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(1,700,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			9,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17,922,484	112,599,333
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(29,723,319,764)</b>	<b>(5,729,901,174)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		127.901.253.216	94.027.456.050
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(115.017.326.270)	(82.129.616.816)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.943.257.904)	(1.673.070.400)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.591.228.632)	(175.955.580)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.349.440.410</b>	<b>10.048.813.254</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>19.794.925.061</b>	<b>10.916.758.032</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>76.059.073.951</b>	<b>65.142.315.919</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>95.853.999.012</b>	<b>76.059.073.951</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Thái

Hoàng Văn Tuấn

Nguyễn Văn Sơn



**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh các loại sơn, bột bả.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Dịch vụ phụ vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;

# CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

### Công ty có các công ty con sau:

#### ❖ Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 07 tháng 03 năm 2016 và thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 01 năm 2018

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1101814871 thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 01 năm 2018 là 55.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn./.*)

Trụ sở tại Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	81,82%	81,82%

#### ❖ Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 cấp ngày 08/01/2018 là 50.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn./.*)

Trụ sở tại số 59, đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>		<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	
	Theo đăng ký kinh doanh	Thực góp	Trên đăng ký kinh doanh	Thực góp
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam	90%	100%	90%	100%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:**

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (công ty mẹ), Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG (công ty con) và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**4.4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

**4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.5.1. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 20 năm
Máy móc thiết bị	06 – 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

**4.5.2. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm

05 năm

**4.5.3. Tài sản cố định thuê tài chính**

Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm số thuế GTGT phải trả cho bên cho thuê.

**4.6. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**4.7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí quảng cáo, chi phí đồng phục, chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.8. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.9. Chi phí lãi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

**4.10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí duy trì và phát triển nhãn hiệu. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.11. Vốn chủ sở hữu**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.12. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.13. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

**4.14. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4.16. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.17. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.18. Bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số 8.6.

**4.19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

***Lĩnh vực kinh doanh***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh các loại sơn, bột bả và keo chống thấm.

***Khu vực địa lý***

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tiền mặt	13,121,079,236	10,802,580,715
Tiền gửi ngân hàng	82,192,943,676	63,926,923,843
Tiền đang chuyển	539,976,100	1,329,569,393
<b>Cộng</b>	<b>95,853,999,012</b>	<b>76,059,073,951</b>

**5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>41,625,455,483</b>	<b>34,226,185,098</b>
- Công ty CP ĐTXD và Kỹ thuật Vinaconex	-	2,798,946,417
- Các khoản phải thu khách hàng khác	41,625,455,483	31,427,238,681
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

**5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>5,541,316,455</b>	<b>4,009,802,339</b>
- Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera	750,000,000	750,000,000
- Công ty Cổ phần Eco Green Life Việt Nam	436,004,700	436,004,700
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	4,355,311,755	2,823,797,639
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-

**5.4 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu về cho vay</b>	-	-	<b>2,583,720,887</b>	-
- Bà Nguyễn Thị Phượng	-	-	250,000,000	-
- Bà Nguyễn Vân Anh	-	-	100,000,000	-
- Bà Nguyễn Thị Thêm	-	-	300,000,000	-
- Ông Nguyễn Trung Nam	-	-	250,000,000	-
- Các đối tượng khác	-	-	1,683,720,887	-

**5.5 . PHẢI THU KHÁC**

	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>26,248,629,585</b>	-	<b>25,162,601,773</b>	-
- Tạm ứng	18,000,974,058	-	12,302,893,312	-
- Phải thu khác	8,244,655,527	-	12,859,708,461	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>316,435,464</b>	-	<b>190,200,000</b>	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	210,200,000	-	190,200,000	-
- Phải thu khác	106,235,464	-	-	-
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**5.6 . HÀNG TỒN KHO**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	18,746,697,124	-	19,715,114,324	-
Công cụ, dụng cụ	1,013,400,373	-	420,638,638	-
Chi phí SXKD dở dang	5,479,818,978	-	8,137,733,451	-
Thành phẩm nhập kho	8,504,696,815	-	8,304,366,281	-
Hàng hóa	6,626,813,577		902,862,978	
Hàng gửi bán	54,448,722		54,448,722	-
<b>Cộng</b>	<b>40,425,875,589</b>	<b>-</b>	<b>37,535,164,394</b>	<b>-</b>

**5.7 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	Cuối năm	Đầu năm
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	<b>2,872,569,048</b>	<b>2,872,569,048</b>
+ Mua sắm TSCĐ	286,595,466	286,595,466
+ Xây dựng cơ bản khác	2,585,973,582	2,585,973,582
	<b>2,872,569,048</b>	<b>2,872,569,048</b>

**5.8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	<b>2,915,639,856</b>	<b>2,121,837,942</b>
- Chi phí quảng cáo	702,822,472	69,057,917
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	199,086,557	
- Các khoản khác	2,013,730,827	2,052,780,025
b) Dài hạn	<b>8,155,556,446</b>	<b>7,120,064,253</b>
- Chi phí quảng cáo	6,276,008,368	5,829,489,068
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	109,056,734	
- Chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa	727,272,725	-
- Chi phí dài hạn khác	1,043,218,619	1,290,575,185
<b>Cộng</b>	<b>11,071,196,302</b>	<b>9,241,902,195</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**5.9 . NỢ XẤU***Đơn vị : VND*

	<b>Cuối năm</b>			<b>Đầu năm</b>		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>						
Công ty Cổ phần Á Châu G8	192,880,615	-	(192,880,615)	192,880,615	57,864,185	(135,016,431)
Các công ty khác	990,813,672	-	(990,813,672)	990,813,672	297,244,102	(693,569,570)
<b>Cộng</b>	<b>1,183,694,287</b>	<b>-</b>	<b>(1,183,694,287)</b>	<b>1,183,694,287</b>	<b>355,108,286</b>	<b>(828,586,001)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**5.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	25,893,569,909	33,009,054,313	8,686,104,471	101,563,637	31,700,000	<b>67,721,992,330</b>
Tăng trong năm		18,338,840,864	13,607,874,998	129,927,273		<b>32,076,643,135</b>
- Mua trong năm		18,338,840,864	12,483,613,180	129,927,273		<b>30,952,381,317</b>
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính			1,124,261,818			<b>1,124,261,818</b>
- Tăng khác						
Giảm trong năm		(8,243,362,884)				<b>(8,243,362,884)</b>
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác		(8,243,362,884)				<b>(8,243,362,884)</b>
Số dư cuối năm	25,893,569,909	43,104,532,293	22,293,979,469	231,490,910	31,700,000	<b>91,555,272,581</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	3,656,078,715	14,061,948,423	6,193,352,390	101,563,637	9,113,755	<b>24,022,056,920</b>
Tăng trong năm	757,626,877	5,888,765,408	2,749,853,420	16,175,253		<b>9,420,345,962</b>
- Số khấu hao trong năm	757,626,877	5,888,765,408	2,172,107,760	16,175,253	7,925,004	<b>8,842,600,302</b>
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính			577,745,660			<b>577,745,660</b>
- Tăng khác						
Giảm trong năm		(7,775,031,183)				<b>(7,775,031,183)</b>
- Thanh lý, nhượng bán		(24,209,900)				<b>(24,209,900)</b>
- Giảm khác		(7,750,821,283)				<b>(7,750,821,283)</b>
Số dư cuối năm	4,413,705,592	12,175,682,648	8,943,205,810	117,738,890	9,113,755	<b>25,667,371,699</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	22,237,491,194	18,947,105,890	2,492,752,081		22,586,245	<b>43,699,935,410</b>
2. Tại ngày cuối năm	21,479,864,317	30,928,849,645	13,350,773,659	113,752,020	22,586,245	<b>65,887,900,882</b>

• Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 28,223,118,290 VND

• Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14,074,092,753 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09-DN

**5.11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm			4,725,897,600		<b>4,725,897,600</b>
Tăng trong năm			1,372,581,818		<b>1,372,581,818</b>
- Thuê tài chính trong năm			1,372,581,818		<b>1,372,581,818</b>
Giảm trong năm			(1,124,261,818)		<b>(1,124,261,818)</b>
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình			(1,124,261,818)		<b>(1,124,261,818)</b>
- Giảm khác					
Số dư cuối năm			4,974,217,600		<b>4,974,217,600</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm			808,241,051		<b>808,241,051</b>
Tăng trong năm			920,802,749		<b>920,802,749</b>
- Số khấu hao trong năm			920,802,749		<b>920,802,749</b>
- Tăng khác					
Giảm trong năm			(577,745,642)		<b>(577,745,642)</b>
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình			(577,745,642)		<b>(577,745,642)</b>
- Giảm khác					
Số dư cuối năm			1,151,298,158		<b>1,151,298,158</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm			3,917,656,549		<b>3,917,656,549</b>
2. Tại ngày cuối năm			3,822,919,442		<b>3,822,919,442</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**5.12 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	6,725,114,300		40,212,000		<b>6,765,326,300</b>
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm					-
- Tăng khác					-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	6,725,114,300	-	40,212,000	-	<b>6,765,326,300</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	168,127,860		11,393,400		<b>179,521,260</b>
Tăng trong năm	134,502,288	-	8,042,400	-	<b>142,544,688</b>
- Số khấu hao trong năm	134,502,288		8,042,400		<b>142,544,688</b>
- Tăng khác					-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	302,630,148	-	19,435,800	-	<b>322,065,948</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	6,556,986,440	-	28,818,600	-	<b>6,585,805,040</b>
2. Tại ngày cuối năm	6,422,484,152	-	20,776,200	-	<b>6,443,260,352</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**5.13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>47,104,361,723</b>	<b>47,104,361,723</b>	<b>26,162,138,460</b>	<b>26,162,138,460</b>
- Công ty TNHH Connell Bross	2,187,136,588	2,187,136,588	6,047,792,605	6,047,792,605
- Công ty TNHH Thương mại và Hóa chất HD	2,495,000,000	2,495,000,000	1,067,000,000	1,067,000,000
- Công ty TNHH Sản xuất TM Ngọc Sơn	10,141,461,169	10,141,461,169	2,056,309,175	2,056,309,175
- Công ty TNHH Hóa chất H&T	554,500,600	554,500,600	26,961,000	26,961,000
- Công ty TNHH MTV Bao Bì & Thương mại Quang Huy	601,513,150	601,513,150	243,285,900	243,285,900
- Công ty TNHH Hóa chất Minh Hóa	1,271,736,314	1,271,736,314	769,439,628	769,439,628
- Phải trả cho các đối tượng khác	29,853,013,902	29,853,013,902	15,951,350,152	15,951,350,152
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>123,699,621</b>	<b>123,699,621</b>	<b>123,699,621</b>	<b>123,699,621</b>
- Công ty TNHH TM Quảng Ngà	27,629,620	27,629,620	27,629,620	27,629,620
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàng Phát	38,000,000	38,000,000	38,000,000	38,000,000
- Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Yến	38,070,001	38,070,001	38,070,001	38,070,001
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**5.14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>4,693,651,357</b>	<b>4,693,651,357</b>	<b>2,102,159,224</b>	<b>2,102,159,224</b>
- Doanh nghiệp tư nhân Thanh San	-	-	244,349,914	244,349,914
- Đối tượng khác	4,693,651,357	4,693,651,357	1,857,809,310	1,857,809,310
<b>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**5.15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp, bù trừ trong năm</b>	<b>Cuối năm</b>
<b>a) Phải nộp</b>	<b>5,917,294,144</b>	<b>36,498,759,233</b>	<b>34,995,545,965</b>	<b>7,420,507,412</b>
- Thuế GTGT	3,249,900,596	31,932,553,457	31,134,455,920	4,047,998,133
- Thuế TNDN	2,377,179,279	3,310,983,663	2,773,996,205	2,914,166,737
- Thuế TNCN	290,214,269	1,255,222,113	1,087,093,840	458,342,542
<b>b) Phải thu</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải thu trong năm</b>	<b>Số đã thu trong năm</b>	<b>Cuối năm</b>
- Thuế thu nhập cá nhân	6,324,741	-	5,350,716	974,025

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>610,000,000</b>	<b>520,000,000</b>
- Trích trước chi phí kiểm toán	190,000,000	100,000,000
- Các khoản trích trước khác	420,000,000	420,000,000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-

**5.17 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4,639,568,719</b>	<b>14,009,518,494</b>
- Kinh phí công đoàn	201,748,543	122,338,428
- Bảo hiểm xã hội	716,777,026	215,701,331
- Bảo hiểm y tế	17,782,334	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	11,043,326	-
- Phải trả, phải nộp khác	699,097,726	13,452,482,517
- Phải thu khác (dư Có)	1,147,066,997	137,559,263
- Nhận ký quỹ, ký cược	1,530,000,000	-
- Tạm ứng	316,052,767	81,436,955
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1,560,430,120</b>	<b>220,430,120</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1,560,430,120	220,430,120
- Phải trả, phải nộp khác	-	-
<b>c) Phải trả khác là các bên liên quan</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**5.18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay</b>	<b>52,013,840,663</b>	<b>52,013,840,663</b>	<b>129,936,257,216</b>	<b>117,052,330,270</b>	<b>39,129,913,717</b>	<b>39,129,913,717</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>45,697,597,306</b>	<b>45,697,597,306</b>	<b>120,613,573,240</b>	<b>113,699,309,627</b>	<b>38,783,333,693</b>	<b>38,783,333,693</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (1)	9,445,114,100	9,445,114,100	33,689,024,817	39,329,092,202	15,085,181,485	15,085,181,485
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng (2)	2,106,142,062	2,106,142,062	9,694,610,938	11,152,932,033	3,564,463,157	3,564,463,157
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (3)	22,655,781,804	22,655,781,804	51,753,484,030	44,094,017,104	14,996,314,878	14,996,314,878
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	-	-	-	28,888,896	28,888,896	28,888,896
- Ngân hàng Public Việt Nam (4)	922,600,000	922,600,000	922,600,000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (5)	690,400,000	690,400,000	690,400,000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (6)	9,455,559,340	9,455,559,340	23,441,449,455	18,984,375,392	4,998,485,277	4,998,485,277
- Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thường Tín Sacombank (7)	110,000,000	110,000,000	110,004,000	110,004,000	110,000,000	110,000,000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (8)	312,000,000	312,000,000	312,000,000	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**5.18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH***Đơn vị tính: VND*

Dài hạn	6,316,243,357	6,316,243,357	9,322,683,976	3,353,020,643	346,580,024	346,580,024
- Ngân hàng Public Việt Nam (4)	3,098,283,357	3,098,283,357	4,613,000,000	1,514,716,643		-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (5)	2,269,700,000	2,269,700,000	3,452,000,000	1,182,300,000		-
- Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín Sacombank (7)	256,660,000	256,660,000	20,083,976	110,004,000	346,580,024	346,580,024
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (8)	691,600,000	691,600,000	1,237,600,000	546,000,000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>52,013,840,663</b>	<b>52,013,840,663</b>	<b>129,936,257,216</b>	<b>117,052,330,270</b>	<b>39,129,913,717</b>	<b>39,129,913,717</b>

**b) Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán**

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê tài chính	Trả nợ gốc
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công Thương Việt Nam (9)	2,179,931,972	236,674,068	1,943,257,904	3,759,068,991	185,998,591	3,573,070,400
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	<i>1,847,097,132</i>	<i>205,047,228</i>	<i>1,642,049,904</i>	<i>3,759,068,991</i>	<i>185,998,591</i>	<i>3,573,070,400</i>
<i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>	<i>332,834,840</i>	<i>31,626,840</i>	<i>301,208,000</i>			
<b>Cộng</b>	<b>2,179,931,972</b>	<b>236,674,068</b>	<b>1,943,257,904</b>	<b>3,759,068,991</b>	<b>185,998,591</b>	<b>3,573,070,400</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**c) Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
- Gốc nợ thuê tài chính	2,323,019,696	2,323,019,696	2,725,974,400	2,725,974,400
- Lãi nợ thuê tài chính phải trả	225,738,585	225,738,585	207,792,167	207,792,167

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/4729252/HĐTD ngày 18 tháng 08 năm 2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, tổng hạn mức 27 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(2) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2012/0057 ngày 16/11/2012 và phụ lục hợp đồng ký ngày 05/04/2017 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng, hạn mức tín dụng là 4 tỷ đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(3) Hợp đồng tín dụng số 274/2017-HĐCVHM/NHCT131-SĐA ngày 11 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 20 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,8%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh sơn, bột bả, bột chét tường.

(4) Vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam Chi nhánh Hà Nội:

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000028/18, số cam kết nhận nợ 020-4-55-00-18007, từ ngày 07/03/2018 đến ngày 07/03/2023, hạn mức được phê duyệt 650.000.000 đồng, lãi suất 7,09%/năm, giải ngân 650.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson, có giá trị 820.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000025/18, số cam kết nhận nợ 020-1-55-00-18008, từ ngày 21/03/2018 đến ngày 21/03/2023, hạn mức được phê duyệt 813.000.000 đồng, lãi suất 7,09%/năm, giải ngân 813.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Santafe, có giá trị 1.030.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000059/18, số cam kết nhận nợ 020-5-55-00-18011, từ ngày 13/04/2018 đến ngày 13/04/2023, hạn mức được phê duyệt 680.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 680.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Mazda New CX5 20G AT 2WD, có giá trị 899.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000045/18, số cam kết nhận nợ 020-9-55-00-19012, từ ngày 26/04/2018 đến ngày 26/04/2023, hạn mức được phê duyệt 650.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 650.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson, có giá trị 820.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000046/18, số cam kết nhận nợ 020-9-55-00-18013, từ ngày 04/05/2018 đến ngày 04/05/2023, hạn mức được phê duyệt 400.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 400.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000063/18, số cam kết nhận nợ 020-6-55-00-18014, từ ngày 04/05/2018 đến ngày 04/05/2023, hạn mức được phê duyệt 400.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 400.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000064/18, số cam kết nhận nợ 020-1-55-00-19018, từ ngày 22/06/2018 đến ngày 22/06/2023, hạn mức được phê duyệt 400.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 400.000.000 đồng, cùng với các hợp đồng tín dụng số HAN/000046/18 và HAN/000063/2018 được thế chấp bởi 02 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Vios E CVT, có giá trị 1.040.000.000 đồng;



## CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng tín dụng số HAN/000105/18, số cam kết nhận nợ 020-7-55-00-18017, từ ngày 18/06/2018 đến ngày 18/06/2023, hạn mức được phê duyệt 620.000.000 đồng, lãi suất 6,99%/năm, giải ngân 620.000.000 đồng, được thế chấp bởi 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Tucson 1,6T - GDI 2WD, có giá trị 882.000.000 đồng.

(5) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 340/2018-HĐCVDADDT/NHCT131-SDA ngày 09 tháng 02 năm 2018, hạn mức 1.228.000.000 đồng, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua sắm 02 xe ô tô tải (Pickup cabin kép) Nissan Navara và Ford Ranger WildTrak mới 100%, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.

(6) Vay ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội:

- Hợp đồng tín dụng số 506/2018-HĐCVHM/NHCT131-BCSG ngày 18 tháng 06 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 10 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Hợp đồng tín dụng số 710/2018-HĐCVHM/NHCT131-SDA ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 25 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

(7) Hợp đồng tín dụng số LD1709700706 ngày 17/04/2017 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long An, số tiền vay 550.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm, lãi suất vay 9,5% (trong 24 tháng đầu tiên), mục đích vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu Ford thuộc sở hữu của công ty.

(8) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 417/2018 - HĐCVĐAT/NHCT131-BCSG ngày 12 tháng 04 năm 2018 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức là 629.300.000 VND, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh hàng tháng, mục đích vay: đầu tư mua sắm 01 xe ô tô Mazda Cx5 phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty.

(9) Nợ thuê tài chính tại Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam:

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.075/2015/TSC-CTTC ngày 30 tháng 10 năm 2015 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 992.480.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.044/2016/TSC-CTTC ngày 29 tháng 07 năm 2016 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 645.680.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.002/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 790.000.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.027/2017/TSC-CTTC ngày 05 tháng 06 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 644.480.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.033/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 484.560.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.062/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 677.280.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm;

- Hợp đồng thuê tài chính số 05/2018/CN.MN-CTTC ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với giá trị tài sản cho thuê là 1.495.840.000 đồng, thời hạn cho thuê là 48 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>115,000,000,000</b>	<b>41,545,455</b>	<b>10,899,319,177</b>	<b>2,544,380,551</b>	<b>16,219,892,902</b>	<b>144,705,138,085</b>
Tăng vốn năm trước	-					-
Lãi trong năm trước					18,721,208,774	<b>18,721,208,774</b>
Tăng khác			1,200,000,000	3,030,589,641		<b>4,230,589,641</b>
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác		-			(17,122,510,311)	<b>(17,122,510,311)</b>
<i>Phân phối lợi nhuận</i>					(16,219,892,902)	<b>(16,219,892,902)</b>
<i>Giảm khác</i>					(902,617,409)	<b>(902,617,409)</b>
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>115,000,000,000</b>	<b>41,545,455</b>	<b>12,099,319,177</b>	<b>5,574,970,192</b>	<b>17,818,591,365</b>	<b>150,534,426,189</b>
Tăng vốn trong năm nay				5,000,000,000		<b>5,000,000,000</b>
Lãi trong năm nay					17,392,281,099	<b>17,392,281,099</b>
Tăng khác				1,079,434,788		<b>1,079,434,788</b>
<i>Trích lập các quỹ</i>			17,090,326,323			<b>17,090,326,323</b>
Giảm vốn trong năm nay						-
Giảm khác	-	(110,000,000)	-	-	(17,790,326,323)	<b>(17,900,326,323)</b>
<i>Phân phối lợi nhuận (*)</i>					(17,790,326,323)	<b>(17,790,326,323)</b>
<i>Giảm khác</i>		(110,000,000)				<b>(110,000,000)</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>115,000,000,000</b>	<b>(68,454,545)</b>	<b>29,189,645,500</b>	<b>11,654,404,980</b>	<b>17,420,546,141</b>	<b>173,196,142,076</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2018. Chi tiết như sau:

- Chi trả thù lao HĐQT, Thư ký Công ty: 700.000.000 đồng

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 17.090.326.323 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vốn góp của Nhà nước			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	115,000,000,000	115,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>115,000,000,000</b>	<b>115,000,000,000</b>

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	115,000,000,000	115,000,000,000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>		
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>		
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	115,000,000,000	115,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	16,219,892,902

<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11,500,000	11,500,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,500,000	11,500,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11,500,000	11,500,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11,500,000	11,500,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11,500,000	11,500,000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng

<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	29,189,645,500	12,099,319,177

**f) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.**

**5.20 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH****6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

<b>6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>a) Doanh thu</b>	<b>240,430,046,731</b>	<b>195,771,773,738</b>
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh sơn	219,010,152,391	173,396,854,840
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh bột bả	15,836,276,891	12,619,047,175
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	5,583,617,449	9,755,871,723
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Hàng bán bị trả lại	10,767,842,108	-
Hàng bán bị trả lại	660,459,250	111,645,395
<b>Cộng</b>	<b>11,428,301,358</b>	<b>111,645,395</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**Mẫu số B 09-DN**

Đơn vị tính: VND

**6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN****Giá vốn của hàng đã bán**

- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh sơn
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh bột bả
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm

	Năm nay	Năm trước
	<b>132,986,916,175</b>	<b>119,179,968,507</b>
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh sơn	122,887,230,070	105,558,790,751
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh bột bả	8,885,780,776	7,682,096,434
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	1,213,905,329	5,939,081,322

**6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Lãi tiền gửi, cho vay

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	<b>17,922,484</b>	<b>112,599,333</b>
Lãi tiền gửi, cho vay	17,922,484	112,599,333
<b>Cộng</b>	<b>17,922,484</b>	<b>112,599,333</b>

**6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Lãi tiền vay

Chiết khấu thanh toán

Chi phí tài chính khác

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	<b>10,015,002,604</b>	<b>2,260,901,914</b>
Lãi tiền vay	3,475,564,636	2,260,395,664
Chiết khấu thanh toán	6,539,437,968	
Chi phí tài chính khác		506,250
<b>Cộng</b>	<b>10,015,002,604</b>	<b>2,260,901,914</b>

**6.6 . THU NHẬP KHÁC**

- Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản
- Thu nhập khác

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	<b>206,759,906</b>	<b>495,945,761</b>
- Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản		60,909,090
- Thu nhập khác	206,759,906	435,036,671
<b>Cộng</b>	<b>206,759,906</b>	<b>495,945,761</b>

**6.7 . CHI PHÍ KHÁC**

- Các khoản bị phạt
- Các khoản khác

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	<b>264,007,735</b>	<b>-</b>
- Các khoản bị phạt	14,184,207	
- Các khoản khác	249,823,528	-
<b>Cộng</b>	<b>264,007,735</b>	<b>-</b>

**6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP****a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm**

- Chi phí nhân công quản lý
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác

	Năm nay	Năm trước
	<b>15,086,820,417</b>	<b>12,809,434,752</b>
Chi phí nhân công quản lý	7,508,578,765	6,247,115,919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,407,851,981	1,252,216,455
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6,170,389,671	5,310,102,378

**b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong năm**

- Chi phí nhân viên
- Chi phí quảng cáo
- Chi phí bán hàng khác

	Năm nay	Năm trước
	<b>49,090,981,282</b>	<b>39,289,563,522</b>
Chi phí nhân viên	15,520,145,391	13,869,808,631
Chi phí quảng cáo	5,662,163,018	9,178,456,066
Chi phí bán hàng khác	27,908,672,873	16,241,298,825

**6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	<b>211,587,879,981</b>	<b>188,248,277,725</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	134,230,102,488	121,313,503,138
Chi phí nhân công	31,688,781,142	27,373,716,797
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9,905,947,739	6,457,228,776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17,442,612,466	24,523,764,926
Chi phí bằng tiền khác	18,320,436,146	8,580,064,088
<b>Cộng</b>	<b>211,587,879,981</b>	<b>188,248,277,725</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21,782,699,550	22,728,804,742
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	712,629,201	168,323,257
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	148,086,572	168,323,257
+ <i>Lỗ của chi nhánh</i>	564,542,629	
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	5,940,410,436	5,718,296,318
+ <i>Thu nhập miễn thuế</i>	5,940,410,436	5,718,296,318
Tổng thu nhập chịu thuế	16,554,918,315	17,178,831,681
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	3,310,983,663	3,435,766,336

**6.11 LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	17,392,281,099	18,721,208,774
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi		
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu		
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11,500,000	11,500,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>1,512</b>	<b>1,628</b>

**7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN****8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

**Năm nay**

CHỈ TIÊU	Sản xuất và kinh doanh sơn	Sản xuất và kinh doanh bột bả	Sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	TỔNG CỘNG
Doanh thu	219,010,152,391	15,836,276,891	5,583,617,449	<b>240,430,046,731</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	11,428,301,358			<b>11,428,301,358</b>
Giá vốn hàng bán	122,887,230,070	8,885,780,776	1,213,905,329	<b>132,986,916,175</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>84,694,620,963</b>	<b>6,950,496,115</b>	<b>4,369,712,120</b>	<b>96,014,829,198</b>
<b>Tổng tài sản</b>				<b>298,928,417,828</b>
<b>Nợ phải trả</b>				<b>125,732,275,752</b>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các TS dài hạn khác)</i>				32,324,963,135
<i>Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>				13,330,643,846
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn</i>				

**Năm trước**

CHỈ TIÊU	Sản xuất và kinh doanh sơn	Sản xuất và kinh doanh bột bả	Sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	TỔNG CỘNG
Doanh thu	173,396,854,840	12,619,047,175	9,755,871,723	<b>195,771,773,738</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	111,645,395			111,645,395
Giá vốn hàng bán	105,558,790,751	7,682,096,434	5,939,081,322	<b>119,179,968,507</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>67,726,418,694</b>	<b>4,936,950,741</b>	<b>3,816,790,401</b>	<b>76,480,159,836</b>
<b>Tổng tài sản</b>				<b>245,262,355,424</b>
<b>Nợ phải trả</b>				<b>94,727,929,235</b>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các TS dài hạn khác)</i>				13,207,866,908
<i>Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>				15,103,447,839
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn</i>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường trong nước tại miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

**Năm nay**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Miền Bắc</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>
Doanh thu	183,145,758,095	11,116,348,992	46,167,939,644	<b>240,430,046,731</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	11,428,301,358	-		<b>11,428,301,358</b>
Giá vốn hàng bán	101,052,944,384	6,885,803,071	25,048,168,720	<b>132,986,916,175</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>70,664,512,353</b>	<b>4,230,545,921</b>	<b>21,119,770,924</b>	<b>96,014,829,198</b>

**Năm trước**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Miền Bắc</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>
Doanh thu	134,606,396,415	17,022,566,853	44,142,810,470	<b>195,771,773,738</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu		111,645,395	-	<b>111,645,395</b>
Giá vốn hàng bán	81,944,326,188	10,362,826,789	26,872,815,530	<b>119,179,968,507</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>52,662,070,227</b>	<b>6,548,094,669</b>	<b>17,269,994,940</b>	<b>76,480,159,836</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

#### 8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm

Trong năm 2018, Công ty thành lập Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam theo Nghị quyết HĐQT số 01/2018/NQ-HĐQT ngày 08/01/2018. Vốn điều lệ đăng ký là 45 tỷ đồng, đến ngày 31/12/2018 vốn thực góp là 38.455.252.207 VND.

#### 8.5 . Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

##### (i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### *Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

##### (ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**8.5 . Công cụ tài chính (tiếp)****(iii) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Ngày 31/12/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	95,853,999,012		95,853,999,012
Phải thu khách hàng	41,625,455,483	-	41,625,455,483
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	26,248,629,585	316,435,464	26,565,065,049
<b>Trừ:</b>	<b>(1,183,694,287)</b>	<b>-</b>	<b>(1,183,694,287)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1,183,694,287)	-	(1,183,694,287)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>164,911,778,367</b>	<b>316,435,464</b>	<b>165,228,213,831</b>
Các khoản vay và nợ	46,803,977,306	7,532,883,053	54,336,860,359
Phải trả người bán	47,104,361,723		47,104,361,723
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	5,249,568,719	1,560,430,120	6,809,998,839
<b>Tổng cộng</b>	<b>99,157,907,748</b>	<b>9,093,313,173</b>	<b>108,251,220,921</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>65,753,870,619</b>	<b>(8,776,877,709)</b>	<b>56,976,992,910</b>
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Ngày 01/01/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	76,059,073,951		76,059,073,951
Phải thu khách hàng	34,226,185,098	-	34,226,185,098
Phải thu về cho vay	2,583,720,887	-	-
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	25,162,601,773	190,200,000	25,352,801,773
<b>Trừ:</b>	<b>(828,586,001)</b>	<b>-</b>	<b>(828,586,001)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(828,586,001)	-	(828,586,001)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>138,860,167,710</b>	<b>190,200,000</b>	<b>136,466,646,823</b>
Các khoản vay và nợ	40,146,320,893	1,752,470,424	41,898,791,317
Phải trả người bán	26,162,138,460	-	26,162,138,460
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	14,529,518,494	220,430,120	14,749,948,614
<b>Tổng cộng</b>	<b>80,837,977,847</b>	<b>1,972,900,544</b>	<b>82,810,878,391</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>58,022,189,863</b>	<b>(1,782,700,544)</b>	<b>53,655,768,432</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ được tính bằng giá gốc trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

*Đơn vị tính: VND*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản cho vay	-	2,583,720,887	-	2,583,720,887
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66,690,390,781	58,560,200,870	66,690,390,781	58,560,200,870
Tài sản tài chính khác				
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	95,853,999,012	76,059,073,951	95,853,999,012	76,059,073,951
<b>Tổng cộng</b>	<b>162,544,389,793</b>	<b>137,202,995,708</b>	<b>162,544,389,793</b>	<b>137,202,995,708</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	54,336,860,359	41,898,791,317	54,336,860,359	41,898,791,317
Phải trả người bán	47,104,361,723	26,162,138,460	47,104,361,723	26,162,138,460
Phải trả khác	6,199,998,839	14,229,948,614	6,199,998,839	14,229,948,614
<b>Tổng cộng</b>	<b>107,641,220,921</b>	<b>82,290,878,391</b>	<b>107,641,220,921</b>	<b>82,290,878,391</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(\*): Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, tp.Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**8.6 . Thông tin về các bên liên quan****a) Các bên liên quan****b) Thủ lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT	140.000.000
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	696.820.362
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	140.000.000
Ông Đỗ Trần Mai	Thành viên	140.000.000
Bà An Hà My	Thành viên	140.000.000
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng giám đốc	557.101.649
Ông Trần Tuấn Kinh	Phó Tổng giám đốc	204.135.370
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.018.057.381</b>

**8.7 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**8.8 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.9 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn